

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 130/2021/HN-ST

Ngày: 20-4-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Mừng**

2. Ông **Huỳnh Tấn Khoa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Phước Lợi** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 975/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn, tranh chấp nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Dương Thanh P**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày, bà và ông Dương Thanh P tự nguyện tìm hiểu và sống chung vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Dương Nguyễn

H, sinh ngày 12/7/2009 và Dương Nguyễn H1, sinh ngày 08/12/2016, hiện đang sống với ông P. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 28/12/2020, bà T thay đổi yêu cầu đồng ý để ông P nuôi cháu H, bà yêu cầu được nuôi cháu H1.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Dương Thanh P trình bày, thống nhất lời trình bày của bà T với thời gian kết hôn, không sống chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà T xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: P xác định vợ chồng có 02 con chung tên Dương Nguyễn H, sinh ngày 12/7/2009 và Dương Nguyễn H1, sinh ngày 08/12/2016, hiện đang sống với ông P. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi 02 con chung. Không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay ông có thu nhập ổn định 13.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Dương Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án:

Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T với ông Dương Thanh P.

Về quan hệ con chung: Ông P được tiếp tục nuôi con 02 chung tên Dương Nguyễn H, sinh ngày 12/7/2009 và Dương Nguyễn H1, sinh ngày 08/12/2016, hiện cháu H đang sống với ông P, cháu H1 đang sống với bà. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có nghĩa vụ giao cháu Dương Nguyễn H1, sinh ngày 08/12/2016 cho ông Dương Thanh P nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện xin ly hôn ông Dương Thanh P có nơi cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu, đồng ý để ông P nuôi một con chung tên Dương Nguyễn H. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà T không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2]- Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Dương Thanh P sống chung vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T xin ly hôn, ông P đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông P kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng bà T, ông P xác định tình cảm không còn và thống nhất thuận tình ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm của ông P và bà T không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà T và ông P thuận tình ly hôn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn này.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà T, ông P xác định vợ chồng có 02 con chung tên Dương Nguyễn H, sinh ngày 12/7/2009 và Dương Nguyễn H1, sinh ngày 08/12/2016, hiện cháu H đang sống với ông P, cháu H1 đang sống với bà T. Sau khi ly hôn, bà T đồng ý để ông P được tiếp tục nuôi cháu H, bà yêu cầu được nuôi cháu H1. Ông P yêu cầu được nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con phải được xem xét trên cơ sở điều kiện, nuôi dưỡng về vật chất, cũng như tinh thần, đảm bảo cho con chung phát triển tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội, phía ông P có thu nhập ổn định 13.000.000đ/tháng và có thời gian nuôi dưỡng con đã lâu đủ điều kiện về vật chất cũng như tinh thần để nuôi con.

Mặt khác, mẹ của ông P là bà Nguyễn Thị Thu T, mẹ của bà T là Nguyễn Thị Đ đều có nguyện vọng giao 02 con chung cho ông P nuôi dưỡng vì có đủ điều kiện để nuôi các cháu. Trong khi đó, chị T chỉ mua bán nhỏ, thu nhập không ổn định, phải ở nhà thuê. Bà T chỉ nuôi cháu H1 ban ngày, còn ban đêm thì giao cho mẹ anh P là bà Thủy giữ vì phải mua bán và bà cũng chỉ nuôi cháu H1 từ đầu năm 2021 đến nay. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định trong cuộc sống, nên yêu cầu của ông P về việc giao cho ông nuôi 02 con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và nguyện vọng của gia đình ông P, bà T, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

Bà T có nghĩa vụ giao cháu Dương Nguyễn H1, sinh ngày 08/12/2016 cho ông Dương Thanh P nuôi dưỡng.

Do ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Bà T, ông P xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Bà T, ông P xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà **Nguyễn Thị Kim T** với ông **Dương Thanh P**.

Về quan hệ con chung: Ông Dương Thanh P được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Dương Nguyễn H, sinh ngày 12/7/2009 và Dương Nguyễn H1, sinh ngày 08/12/2016, hiện cháu H đang sống với ông P, cháu H1 đang sống với bà T.

Bà T có nghĩa vụ giao cháu Dương Nguyễn H1, sinh ngày 08/12/2016 cho ông Dương Thanh P nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con

Ông P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận bà T, ông P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà T, ông P vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009070 ngày 08/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Giang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức